

CHÍNH PHỦ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 128/2026/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 06 tháng 4 năm 2026

NGHỊ ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá số 16/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 44/2024/QH15, Luật số 61/2024/QH15, Luật số 95/2025/QH15 và Luật số 140/2025/QH15

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giá số 16/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 44/2024/QH15, Luật số 61/2024/QH15, Luật số 95/2025/QH15 và Luật số 140/2025/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá số 16/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 44/2024/QH15, Luật số 61/2024/QH15, Luật số 95/2025/QH15 và Luật số 140/2025/QH15.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 9

1. Sửa đổi, bổ sung điểm c, điểm d, điểm đ khoản 1 Điều 9 như sau:

“c) Đối với hàng hoá, dịch vụ phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh thực hiện đặt hàng, giao nhiệm vụ: Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, tổ chức được đặt hàng, giao nhiệm vụ sản xuất, cung ứng hàng hoá dịch vụ theo quy định của Luật Công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp có trách nhiệm lập phương án giá;”;

“d) Đối với hàng dự trữ quốc gia thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh: Đơn vị dự trữ quốc gia hoặc đơn vị được giao trực tiếp quản lý hàng dự trữ quốc gia hoặc tổ chức được giao nhiệm vụ bán hàng dự trữ quốc gia lập phương án giá trong trường hợp bán hàng dự trữ quốc gia;”;

“đ) Đối với hàng hóa, dịch vụ do một cấp định giá khác ngoài các hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d khoản này: Cơ quan có thẩm quyền định giá hoặc cơ quan, đơn vị được phân cấp định giá trong trường hợp được cơ quan có thẩm quyền định giá phân cấp tổ chức việc lựa chọn, yêu cầu cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân kinh doanh, cung ứng hàng hóa, dịch vụ lập phương án giá. Việc lựa chọn tổ chức, cá nhân kinh doanh, cung ứng hàng hóa, dịch vụ thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều này”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm b, điểm c, điểm d khoản 2 Điều 9 như sau:

“b) Đối với hàng dự trữ quốc gia mua theo hình thức chỉ định thầu trừ hàng dự trữ quốc gia thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh: Nhà thầu được nhận hồ sơ yêu cầu trong trường hợp chỉ định thầu thông thường hoặc nhà thầu được chủ đầu tư dự kiến có khả năng thực hiện gói thầu trong trường hợp chỉ định thầu rút gọn theo quy định của pháp luật về đấu thầu lập phương án giá. Đối với hàng dự trữ quốc gia mua theo phương thức mua trực tiếp rộng rãi của mọi đối tượng: Chi cục Dự trữ Nhà nước khu vực lập phương án giá;”;

“c) Đối với hàng dự trữ quốc gia bán theo phương thức bán chỉ định hoặc bán trực tiếp rộng rãi cho mọi đối tượng trừ hàng dự trữ quốc gia thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh: Đơn vị dự trữ quốc gia hoặc đơn vị được giao trực tiếp quản lý hàng dự trữ quốc gia hoặc tổ chức được giao nhiệm vụ bán hàng dự trữ quốc gia hoặc đơn vị thực hiện dự trữ quốc gia khác lập phương án giá. Trong đó, trường hợp hàng dự trữ quốc gia do Bộ Tài chính quản lý, Chi cục Dự trữ Nhà nước khu vực lập phương án giá;”;

“d) Đối với dịch vụ thuê chuyên cơ, chuyên khoang chính thức có tính đến yếu tố tàu bay dự bị, sử dụng ngân sách nhà nước và các hàng hóa, dịch vụ do hai cấp định giá khác ngoài các hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản này: Cơ quan có thẩm quyền định giá cụ thể tổ chức việc lựa chọn, yêu cầu cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân kinh doanh, cung ứng hàng hóa, dịch vụ lập phương án giá; việc lựa chọn tổ chức, cá nhân kinh doanh, cung ứng hàng hóa, dịch vụ thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều này.”.

3. Bổ sung cụm từ “, cung ứng” sau cụm từ “tổ chức, cá nhân kinh doanh” tại điểm a khoản 1, khoản 3 và khoản 6 Điều 9.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 9 như sau:

“5. Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm lập phương án giá gửi cơ quan, đơn vị được giao thẩm định phương án giá trong thời gian tối đa 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu theo dấu bưu điện và chịu trách nhiệm toàn diện về tính chính xác, trung thực của các số liệu, dữ liệu trong phương án giá và các tài liệu, hồ sơ kèm theo. Trường hợp phức tạp, tổ chức, cá nhân có quyền gửi văn bản đề nghị kéo dài thời gian lập phương án giá kèm theo lý do

và thuyết minh cụ thể gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền; thời gian kéo dài không quá 15 ngày.

Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm giải trình về phương án giá trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu giải trình, báo cáo rõ về một số nội dung tại phương án giá và các tài liệu, hồ sơ kèm theo.”.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 10

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 10 như sau:

“1. Thẩm định phương án giá là việc đánh giá trên cơ sở hồ sơ phương án giá để xác định, đề xuất mức giá theo nguyên tắc, căn cứ, phương pháp định giá do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành phù hợp với hình thức định giá của hàng hóa, dịch vụ. Nội dung thẩm định phương án giá nêu rõ các ý kiến, số liệu, thuyết minh lý do, kết quả thẩm định so với đề nghị của tổ chức, cá nhân lập phương án giá.”.

2. Bổ sung điểm c khoản 2 Điều 10 như sau:

“c) Đối với hàng hoá, dịch vụ thuộc Danh mục hàng hoá, dịch vụ do Nhà nước định giá tại Phụ lục số 02 Luật Giá và được phân cấp định giá theo quy định: Cơ quan, đơn vị được phân cấp định giá phân công cơ quan, đơn vị chuyên môn trực thuộc thực hiện việc thẩm định phương án giá; trường hợp cơ quan, đơn vị được phân cấp định giá không có cơ quan, đơn vị chuyên môn trực thuộc thì cơ quan có thẩm quyền định giá phân công cơ quan, đơn vị trực thuộc khác với cơ quan, đơn vị được phân cấp định giá thực hiện việc thẩm định phương án giá.”.

3. Bổ sung cụm từ “tổ chức thực hiện hoặc” trước cụm từ “phân công cơ quan, đơn vị trực thuộc” tại điểm a khoản 3 Điều 10.

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 11

1. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 11 như sau:

“b) Đối với hàng dự trữ quốc gia thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh: Bộ Quốc phòng, Bộ Công an xem xét, ban hành văn bản định giá trên cơ sở hồ sơ phương án giá do cơ quan, đơn vị được giao thẩm định phương án giá trình;”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 Điều 11 như sau:

“c) Đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm b, điểm c, điểm d khoản 1 Điều 9 của Nghị định này: Cơ quan có thẩm quyền định giá hoặc cơ quan, đơn vị được phân cấp định giá có trách nhiệm xem xét, ban hành văn bản định giá trên cơ sở hồ sơ do cơ quan, đơn vị được giao thẩm định phương án giá trình;”.

3. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 11 như sau:

“b) Đối với dịch vụ thuê chuyên cơ, chuyên khoang chính thức có tính đến yếu tố tàu bay dự bị, sử dụng ngân sách nhà nước và các hàng hóa, dịch vụ do hai cấp định giá khác: Cơ quan có thẩm quyền định giá cụ thể phê duyệt kết quả thẩm định phương án giá, gửi 01 bản chính hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều này cho cơ quan có thẩm quyền định khung giá hoặc giá tối đa hoặc giá tối thiểu;”.

4. Sửa đổi điểm d khoản 2 Điều 11 như sau:

“d) Cơ quan có thẩm quyền định khung giá hoặc giá tối đa hoặc giá tối thiểu có trách nhiệm xem xét, ban hành văn bản định giá trên cơ sở hồ sơ do cơ quan có thẩm quyền định giá cụ thể gửi phù hợp với căn cứ, nguyên tắc, phương pháp định giá do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành. Hồ sơ trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản định giá thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều này.

Trường hợp bộ, cơ quan ngang bộ định khung giá hoặc giá tối đa hoặc giá tối thiểu để các Ủy ban nhân dân cấp tỉnh định giá cụ thể thì bộ, cơ quan ngang bộ có quyền ban hành văn bản định giá sau khi có tối thiểu 2/3 số lượng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi hồ sơ đề nghị;”.

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 16

1. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 16 như sau:

“a) Bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công cho một cơ quan, đơn vị chuyên môn trực thuộc chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan rà soát tổng thể để tham mưu ban hành Thông báo danh sách kê khai giá thuộc thẩm quyền tiếp nhận theo thời hạn quy định tại điểm b khoản này. Thông tin tại Thông báo danh sách kê khai giá bao gồm tên tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ; mã số thuế”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 2 Điều 16 như sau:

“d) Bộ, cơ quan ngang bộ rà soát, lựa chọn tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ để đưa vào Danh sách thực hiện kê khai giá của mình trong số các đối tượng sau: Tập đoàn kinh tế; Tổng công ty; Công ty Cổ phần, Công ty trách nhiệm hữu hạn mà doanh nghiệp đó có mạng lưới sản xuất, kinh doanh có khả năng tác động vào sự hình thành và vận động của giá hàng hóa, dịch vụ trên phạm vi toàn quốc hoặc có mạng lưới sản xuất, kinh doanh trên địa bàn từ 02 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên; tổ chức là doanh nghiệp độc quyền; doanh nghiệp, nhóm doanh nghiệp có vị trí thống lĩnh thị trường theo quy định của Luật Cạnh tranh.

Riêng đối với dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh: Bộ Y tế rà soát, lựa chọn các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc Bộ Y tế, các bệnh viện hạng Đặc biệt,

hạng I thuộc bộ, ngành quản lý để đưa vào Danh sách thực hiện kê khai giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu.”.

3. Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 2 Điều 16 như sau:

“đ) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh rà soát, lựa chọn tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ để đưa vào Danh sách kê khai giá tại địa phương đối với những tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có trụ sở chính trên địa bàn tỉnh mà không có tên trong Danh sách kê khai giá của các bộ, cơ quan ngang bộ đã ban hành; việc lựa chọn tổ chức kinh doanh để đưa vào Danh sách kê khai giá căn cứ theo yêu cầu của công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và công tác quản lý nhà nước về giá tại địa phương.

Riêng đối với dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh rà soát, lựa chọn các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước trên địa bàn ngoài các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thực hiện kê khai giá tại Bộ Y tế và rà soát, lựa chọn các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân trên địa bàn quản lý để đưa vào Danh sách thực hiện kê khai giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo quy định.”.

Điều 5. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 22

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 22 như sau:

“1. Bộ Tài chính tổ chức triển khai công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường. Cung cấp, chia sẻ báo cáo về tình hình giá cả thị trường tại địa phương; thông tin dữ liệu về giá trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá theo quy định và các thông tin tình hình kinh tế vĩ mô trong nước và quốc tế, phân tích chỉ số giá tiêu dùng, chính sách tài khóa có liên quan theo quy định. Phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong điều hành đồng bộ chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ nhằm mục tiêu kiểm soát lạm phát; chia sẻ với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quyền sở của các nhóm hàng hóa và dịch vụ chính trong tính toán chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá sản xuất, chỉ số giá xuất nhập khẩu hàng hóa, các hệ thống chỉ tiêu quốc gia khác; tham gia với các bộ, ngành khác trong công tác điều hành giá thuộc thẩm quyền quản lý của các bộ, ngành.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 22 như sau:

“4. Các bộ, cơ quan ngang bộ quản lý ngành, lĩnh vực tổ chức triển khai công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường của hàng hóa, dịch vụ thuộc phạm vi quản lý. Cung cấp thông tin về cơ chế chính sách, tình hình thực hiện công tác quản lý, điều tiết giá thuộc thẩm quyền và các thông tin khác (nếu có) gồm: Diễn biến cung cầu, thị trường giá cả trong nước và thế giới các mặt hàng trong Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá, Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá, Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực

hiện kê khai giá và một số hàng hóa, dịch vụ quan trọng thuộc lĩnh vực quản lý,...; trong đó bảo đảm cung cấp, chia sẻ các thông tin chính như sau:

a) Bộ Công Thương cung cấp thông tin về điều hành xuất nhập khẩu, cán cân thương mại, tình hình thị trường hàng hóa, cung cầu trong nước và quốc tế, tình hình sản xuất; công tác quản lý, điều hành giá và diễn biến giá các mặt hàng xăng dầu, điện, than, khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG), thép; tình hình quản lý giá dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực quản lý;

b) Bộ Nông nghiệp và Môi trường cung cấp thông tin về tổng thể nguồn cung; tình hình sản xuất, công tác quản lý, điều hành giá và diễn biến giá các mặt hàng thóc, gạo, thực phẩm, lợn hơi, thịt lợn, phân bón, thức ăn chăn nuôi, vật tư nông nghiệp quan trọng; tình hình quản lý nhà nước về giá đất; tình hình quản lý giá dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực quản lý;

c) Bộ Y tế cung cấp thông tin về công tác quản lý, điều hành giá và diễn biến giá các mặt hàng thuốc phòng, chữa bệnh cho người; diễn biến giá và tình hình thực hiện lộ trình tính giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập; công tác quản lý kê khai giá thuốc chữa bệnh cho người, công tác quản lý kê khai giá thiết bị y tế; tình hình quản lý giá dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực quản lý;

d) Bộ Giáo dục và Đào tạo cung cấp thông tin về công tác quản lý, điều hành giá và diễn biến giá các dịch vụ giáo dục, đào tạo (học phí), dịch vụ giáo dục nghề nghiệp, sách giáo khoa; tình hình quản lý giá dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực quản lý;

đ) Bộ Nội vụ cung cấp thông tin về công tác quản lý, điều hành giá và diễn biến giá các dịch vụ kiểm định kỹ thuật máy móc, thiết bị vật tư và các chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động; dịch vụ môi giới theo hợp đồng môi giới đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài, dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài; tình hình quản lý giá dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực quản lý;

e) Bộ Xây dựng cung cấp thông tin về công tác quản lý, điều hành giá và diễn biến giá các mặt hàng xi măng, vật liệu xây dựng quan trọng, dịch vụ vận chuyển hành khách hàng không nội địa, dịch vụ tại cảng biển, cước vận tải hành khách tuyến cố định bằng đường bộ, cước vận tải hành khách bằng taxi; tình hình quản lý giá dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực quản lý; cung cấp thông tin về bất động sản mua, bán, cho thuê, nhà ở xã hội cho thuê, mua theo quy định của pháp luật về nhà ở và pháp luật về kinh doanh bất động sản;

g) Bộ Khoa học và Công nghệ cung cấp thông tin về công tác quản lý, điều hành giá và tình hình thị trường, diễn biến giá các dịch vụ bưu chính, viễn thông; tình hình quản lý giá dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực quản lý.”.

Điều 6. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 25

1. Sửa đổi, bổ sung điểm g khoản 1 Điều 25 như sau:

“g) Chứng thư thẩm định giá theo quy định tại khoản 5 Điều 55 Luật Giá, không kèm theo báo cáo thẩm định giá;”.

2. Bổ sung điểm k khoản 1 Điều 25 như sau:

“k) Mức giá của hàng hóa, dịch vụ do cơ quan hiệp thương giá xác định. Việc áp dụng mức giá thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Luật Giá”.

3. Bổ sung điểm đ khoản 2 Điều 25 như sau:

“đ) Mức giá của hàng hóa, dịch vụ do cơ quan hiệp thương giá xác định. Việc áp dụng mức giá thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Luật Giá”.

Điều 7. Thay thế, bãi bỏ một số cụm từ, khoản, phụ lục của Nghị định số 85/2024/NĐ-CP

1. Thay thế một số cụm từ như sau:

a) Thay thế cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp huyện” tại điểm a khoản 2 Điều 6 bằng cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp xã”;

b) Thay thế cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” tại điểm a khoản 1 Điều 7 và tại Phụ lục V bằng cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường”;

c) Thay thế cụm từ “Bộ Giao thông vận tải” tại Phụ lục V bằng cụm từ “Bộ Xây dựng”;

d) Thay thế cụm từ “Bộ Thông tin và Truyền thông” tại Phụ lục V bằng cụm từ “Bộ Khoa học và Công nghệ”.

2. Thay thế Mẫu số 02 Phụ lục I bằng Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.

3. Thay thế Mẫu số 02 Phụ lục III bằng Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.

4. Bãi bỏ một số cụm từ, khoản như sau:

a) Bãi bỏ cụm từ “, Bộ Kế hoạch và Đầu tư” tại khoản 2 Điều 22;

b) Bãi bỏ khoản 3 Điều 22.

Điều 8. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

2. Bãi bỏ Điều 32 Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính.

3. Quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTT (2b). *✎*

**TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Hồ Đức Phớc



Phụ lục I

(Kèm theo Nghị định số 128/2026/NĐ-CP
ngày 06 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ)

Mẫu số 02: Văn bản phê duyệt kết quả thẩm định phương án giá và đề nghị định giá (hoặc điều chỉnh giá) của cơ quan có thẩm quyền định giá cụ thể

.....(1).....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số(2).....

V/v phê duyệt kết quả thẩm định
phương án giá và đề nghị định giá
(hoặc điều chỉnh giá)
hàng hóa, dịch vụ

..., ngày ... tháng ... năm

Kính gửi:(3).....

Thực hiện quy định tại Luật Giá số 16/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 44/2024/QH15, Luật số 61/2024/QH15, Luật số 95/2025/QH15 và Luật số 140/2025/QH15; Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 128/2026/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ.

1.(1)..... đã phê duyệt kết quả thẩm định phương án giá đối với(4)..... do(5)..... thực hiện thẩm định tại báo cáo thẩm định phương án giá số.....(6).....

2. Trên cơ sở kết quả thẩm định(1)..... đề nghị mức giá là đồng (hoặc chi tiết bảng giá tại Phụ lục kèm theo đối với trường hợp có nhiều mặt hàng).".

3. Báo cáo thẩm định phương án giá và các hồ sơ, tài liệu kèm theo văn bản gồm:
.....(7).....

4. Đề nghị(3)..... xem xét ban hành văn bản định giá (hoặc điều chỉnh giá) đối với.....(4)..... theo quy định hiện hành của pháp luật.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:...

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
CÓ THẨM QUYỀN ĐỊNH GIÁ CỤ THỂ**
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Cơ quan có thẩm quyền định giá cụ thể.
- (2) Số ký hiệu theo quy chế công tác văn thư của cơ quan.
- (3) Cơ quan có thẩm quyền định khung giá hoặc giá tối đa hoặc giá tối thiểu.
- (4) Tên hàng hóa, dịch vụ chi tiết.
- (5) Cơ quan, đơn vị được giao thẩm định phương án giá.
- (6) Số ký hiệu và ngày tháng năm của Báo cáo thẩm định phương án giá.
- (7) Danh sách các hồ sơ, tài liệu gửi kèm theo.



Phụ lục II

(Kèm theo Nghị định số 128/2026/NĐ-CP
ngày 06 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ)

Mẫu số 02: Báo cáo thẩm định phương án giá trong trường hợp hàng hóa, dịch vụ do hai cấp định giá

.....(1).....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số(2).....

..., ngày ... tháng ... năm

BÁO CÁO Thẩm định phương án giá

Thực hiện quy định tại Luật Giá số 16/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 44/2024/QH15, Luật số 61/2024/QH15, Luật số 95/2025/QH15 và Luật số 140/2025/QH15; Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 128/2026/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ.

Sau khi nghiên cứu, xem xét phương án giá kèm theo văn bản đề nghị định giá (hoặc điều chỉnh giá) số.....ngày.....tháng..... năm..... của.....(3)..... và các tài liệu, hồ sơ kèm theo,(1).....có ý kiến thẩm định phương án giá như sau:

1. Về kết quả thẩm định phương án giá: (ghi rõ kết quả thẩm định đối với từng nội dung, số liệu theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định này)

2. Đề xuất mức giá trên cơ sở kết quả thẩm định: Sau khi thực hiện thẩm định phương án giá,.....(1)..... đề nghị mức giá là đồng (hoặc chi tiết bảng giá tại Phụ lục kèm theo đối với trường hợp có nhiều mặt hàng).

3. Đề nghị.....(4)..... phê duyệt kết quả thẩm định phương án giá (nếu có);(5)..... xem xét, ban hành văn bản định giá theo thẩm quyền/.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu:...

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
THẨM ĐỊNH PHƯƠNG ÁN GIÁ**

(Ký tên, đóng dấu nếu có)

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan, đơn vị được giao thẩm định phương án giá.

(2) Số ký hiệu văn bản.

(3) Tên cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân lập phương án giá.

(4) Tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền định giá cụ thể.

(5) Tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền định khung giá hoặc giá tối đa hoặc giá tối thiểu.